

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	388.88 ↓	-8.63	-2.17%
KLGD (triệu ck)	48.79 ↑	15.32	45.79%
GTGD (tỷ đồng)	833.07 ↑	323.12	63.36%
Tổng cung (triệu ck)	156.14 ↑	102.50	191.13%
Tổng cầu (triệu ck)	117.65 ↑	53.61	83.72%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	3.90 ↑	0.28	7.81%
KL bán (triệu ck)	5.13 ↑	2.41	88.42%
Giá trị mua (tỷ đồng)	148.28 ↑	50.94	52.34%
Giá trị bán (tỷ đồng)	110.18 ↑	33.25	43.21%

Các ngưỡng kĩ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	400	*
Kháng cự 2	414	**
Kháng cự 3	436	***
Hỗ trợ 1	378	*
Hỗ trợ 2	370	**
Hỗ trợ 3	350	***

* Yếu

** Trung Bình

*** Mạnh

Công Ty CPCI Dầu khí

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

Nhận định thị trường:



Tin đáng chú ý:

- Theo thông tin trên một số báo, doanh nghiệp dầu mỏ xăng dầu tiếp tục xin tăng giá bán lẻ với mức tăng từ 1.000 - 1.300 đồng/lít. Nếu được chấp thuận, giá bán lẻ lập kỷ lục mới, vượt qua mốc 24.000 đồng/lít, tuy nhiên cũng chưa loại trừ khả năng Liên bộ Tài chính- Công Thương sẽ tính toán thêm phương án giảm thuế.

Nhận định thị trường:

Phiên giảm mạnh với thanh khoản tăng cao do áp lực bán trong phiên hôm nay bất ngờ tăng mạnh là một dấu hiệu tiêu cực, cho thấy trạng thái dao động hẹp trước đó trên hai sàn có khả năng bị phá vỡ. Chỉ số VN-Index những phiên trước tăng điểm chủ yếu nhờ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, nhưng sự sụt giảm phiên hôm nay lại diễn ra trên diện rộng. Nếu tiếp tục giảm trong phiên tới, nhiều cổ phiếu bluechips trên hai sàn cũng như chỉ số HNX-Index sẽ phá vỡ hỗ trợ ngắn hạn, chính thức xác nhận xu thế giảm. Nhà đầu tư ngắn hạn nên giảm tỷ lệ cổ phiếu trong danh mục.

HNX:**Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	58.07	↓ -2.32	-3.84%
KLGD (triệu ck)	34.12	↑ 8.70	34.21%
GTGD (tỷ đồng)	270.15	↑ 64.43	31.32%
Tổng cung (triệu ck)	59.37	↑ 17.26	40.98%
Tổng cầu (triệu ck)	37.25	↓ -6.05	-13.96%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.11	↑ 0.31	38.01%
KL bán (triệu ck)	0.54	↓ -0.07	-11.05%
Giá trị mua (tỷ đồng)	10.79	↑ 0.53	5.17%
Giá trị bán (tỷ đồng)	6.65	↓ -0.78	-10.45%

Các ngưỡng kĩ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	60.41	*
Kháng cự 2	63.35	**
Kháng cự 3	66.17	***
Hỗ trợ 1	55.27	****
Hỗ trợ 2		
Hỗ trợ 3		

- * Yếu
 ** Trung Bình
 *** Mạnh
 **** Rất mạnh

Thanh khoản

KLGD Khớp lệnh	Giá trị (cổ phiếu/phiên)
Bình quân 15 phiên	34,334,960
Bình quân 25 phiên	32,727,400
Cao nhất trong 6 tháng	111,859,504
Thấp nhất trong 6 tháng	18,768,100
Phiên gần nhất	33,687,400

Nhận định thị trường:

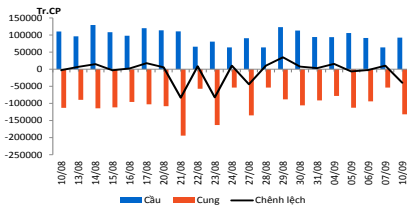
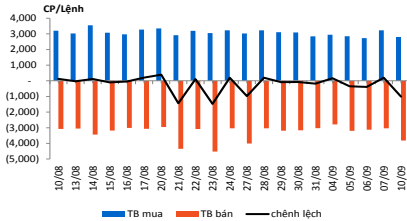
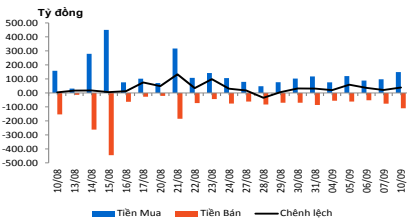
Đồ thị HNX-Index.

Phân tích kĩ thuật:

Với phiên giảm ngày hôm nay, HNX-index đã break down khỏi ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn là 58,91 điểm (tương ứng với mức thấp nhất của sóng giảm chính trước gần nhất trước đó). Ở một kịch bản khác, HNX-Index cũng đã chạm tới đáy kênh dao động tại hỗ trợ mạnh 58,79 điểm. Yếu tố đáng ngại là kết thúc phiên giao dịch, lực cầu bắt đáy vẫn yếu ớt, trong khi dòng tiền thoát mạnh khỏi thị trường. Điều này cho thấy thị trường có rất ít kì vọng vào sự phục hồi trong phiên tới.

Nếu tiếp tục giảm thêm trong phiên tới, HNX-Index chính thức mất các hỗ trợ ngắn hạn, xác nhận việc chỉ số đi vào một sóng giảm chính trong một xu thế giảm. Việc phá vỡ kênh dao động 6 tháng qua sẽ là một tín hiệu khẳng định thêm cho xu thế giảm này và HNX-Index hướng tới hỗ trợ tiếp theo ở mức 55,27 điểm.

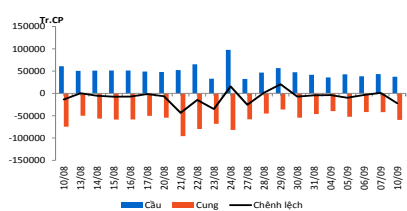
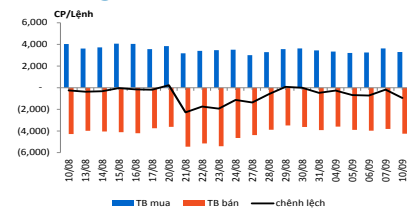
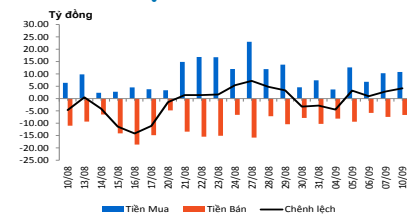
Ngay cả khi thị trường có sự phục hồi nhẹ trở lại trong phiên tới, nếu mức phục hồi không đủ mạnh (>3%) để tạo mô hình nền đảo chiều, và thanh khoản thị trường không tăng lên đáng kể thì sự phục hồi này chỉ là bulltrap và không đáng tin cậy. Nhà đầu tư ngắn hạn nên giảm tỷ lệ cổ phiếu trong danh mục.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Trên sàn HOSE, cổ phiếu KBC và ITA bị bán giá sàn ngay từ đầu phiên giao dịch. Những cổ phiếu lớn khác cũng giảm giá đáng kể như HAG, VCB, GAS, VNM, SSI, SAM, PVF... riêng VIC tăng nhẹ, CTG, VNM, MSN... đứng ở mức tham chiếu. Kết thúc đợt khớp lệnh mở cửa, VN-Index mất 1.79 điểm, tương ứng 0.45% xuống 395.72 điểm. Giao dịch đạt khoảng 1.6 triệu đơn vị, trị giá 21.41 tỷ đồng. Toàn sàn có 57 mã giảm, 27 mã tăng và 43 mã đứng yên.

Trong phiên buổi sáng, lực cầu bắt đáy xuất hiện giúp VN-Index thu hẹp biên độ giảm, và thanh khoản tăng lên trên 20 triệu đơn vị, nhưng bước vào cuối buổi áp lực bán lại gia tăng. Cuối buổi sáng, với tổng cộng trên sàn có hơn 185 mã giảm giá, chỉ có 26 mã tăng nhẹ, VN-Index một lần nữa giảm hơn 8 điểm lùi về dưới mức 389 điểm.

Kết phiên, VN-Index mất 8.63 điểm, tức 2.17% xuống 388.88 điểm. Giao dịch toàn sàn đạt 48.78 triệu đơn vị, trị giá 833 tỷ đồng. Toàn sàn có đến 217 mã giảm giá, 33 mã tăng và 41 mã đứng yên.

HNX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Mở cửa trên HNX, cổ phiếu PVX ngay khi thị trường mở cửa chưa đầy 15 phút đã bị bán tháo với khối lượng lên đến 1.41 triệu đơn vị ở mức giá 5,800 đồng/cp giảm 400 đồng (-6.45%). Tiếp sau đó, nhiều mã vốn hóa lớn khác như VND, KLS, VCG, SHS, SCR... đều giảm giá đáng kể. 15 phút đầu phiên, HNX-Index giảm 0.46 điểm, tương ứng 0.76% ở mức 59.93 điểm, tổng khối lượng giao dịch gần 2.82 triệu cổ phiếu, tương đương 18.4 tỷ đồng.

Đến 10h sáng, HNX-Index ở 58.99 điểm, giảm 2.32% (1.4 điểm). Khối lượng giao dịch ồ ạt, chỉ 14.74 triệu đơn vị (107.48 tỷ đồng). Toàn sàn có 150 mã giảm giá, chỉ 23 mã tăng giá và 222 mã giảm giá. Nhưng cuối phiên sáng áp lực bán tiếp tục đè nặng khiến HNX-Index mất hơn 2.85% xuống chỉ còn 58.67 điểm.

Cuối phiên, HNX-Index giảm mạnh 2.32 điểm, tương đương 3.84%, còn 58.07 mức giảm mạnh nhất suốt 2 tuần qua. Toàn sàn chỉ giao dịch được 34.12 triệu đơn vị (270.15 tỷ đồng). Có được 33 mã tăng giá, 202 mã giảm giá, và 160 mã đứng giá.

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

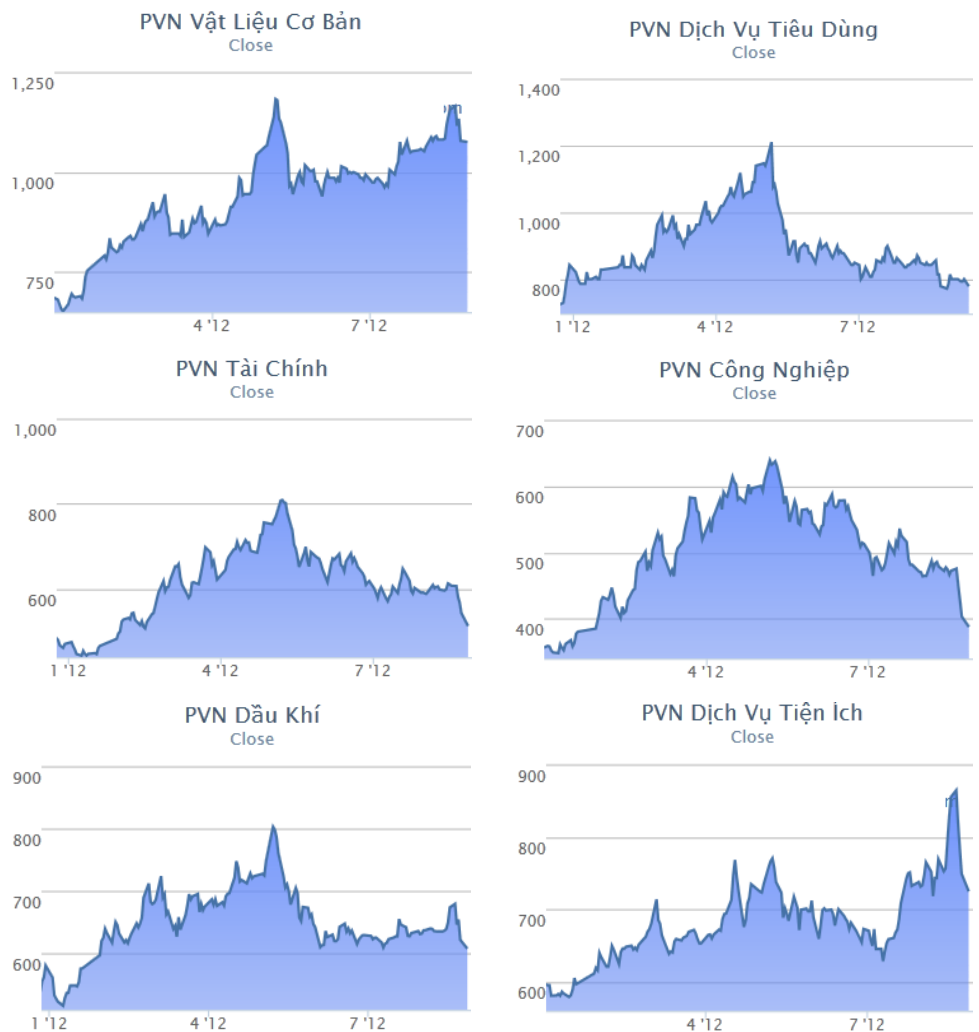
www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	726.79	↓30.35	↓-4.01
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	670.7	↓21.14	↓-3.06
PVN ALLSHARE	652.89	↓20.38	↓-3.03
PVN ALLSHARE HNX	492	↓17.57	↓-3.45
PVN ALLSHARE HSX	713.85	↓22.15	↓-3.01
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1113.04	↓55.07	↓-4.71
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	781.69	↓21.13	↓-2.63
PVN Tài Chính	495.82	↓15.38	↓-3.01
PVN Công Nghiệp	356.33	↓20.67	↓-5.48
PVN Dầu Khí	640.12	↓17.84	↓-2.71
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	756.75	↓1.64	↓-0.22

Chỉ số Ngành



Chỉ số PVN 10



Tổng quan về Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SHARE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNB	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 2 mã cổ phiếu đứng giá và 26 mã cổ phiếu giảm giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 3,95% và tổng khối lượng giao dịch chỉ đạt 8,764 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 10/09:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,100.0	4,000	↓ -3.77	0.45	13.78	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	2,800.0	16,900	↓ -6.67	0.28	25.45	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	3,000.0	211,700	↓ -6.25	0.18	0.29	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	16,500.0	710,000	↓ -4.62	1.35	1.10	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	7,000.0	82,900	↓ -5.41	0.65	4.43	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,000.0	-	→ 0.00	0.46	2.76	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	4,100.0	12,200	↓ -4.65	0.41	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	12,300.0	258,400	↓ -6.82	0.73	1.84	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	9,300.0	24,400	↓ -3.12	1.63	4.25	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	9,300.0	291,300	↓ -7.00	0.60	6.69	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	15,800.0	17,000	↓ -0.63	0.68	7.98	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	3,800.0	900	↓ -5.00	0.36	1.78	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	14,800.0	919,200	↓ -2.63	1.25	3.96	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5,800.0	1,741,500	↓ -6.45	0.26	2.18	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	39,900.0	454,770	↓ -2.44	3.22	12.79	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	38,400.0	1,231,190	↓ -4.71	2.30	6.20	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	25,600.0	36,990	↓ -0.78	1.17	3.11	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	5,700.0	42,230	↓ -5.00	0.49	4.16	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	11,100.0	194,830	↓ -2.63	0.63	2.73	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	38,400.0	544,230	→ 0.00	1.88	5.42	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	3,200.0	14,990	↓ -3.03	0.31	2.48	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	32,300.0	362,140	↓ -5.00	1.09	6.35	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	9,400.0	485,210	↓ -4.08	0.83	11.90	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,300.0	838,150	↓ -4.44	0.44	39.09	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	4,600.0	21,840	↓ -4.17	0.44	3.07	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3,500.0	6,320	↓ -2.78	0.32	1.82	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	9,100.0	238,720	↓ -4.21	0.69	2.73	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	4,600.0	2,000	↓ -4.17	0.42	3.03	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
MSN	103,000	105,000	1.94	72,107,745
STB	20,000	20,000	0.00	77,708,113
DPM	40,300	38,400	-4.71	47,804,411
SSI	18,200	17,300	-4.95	31,460,222
PGD	38,400	38,400	0.00	21,176,987

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	9,700	9,200	-5.15	41,655
KLS	8,700	8,100	-6.90	36,366
SCR	7,300	6,800	-6.85	16,712
ACB	19,300	18,100	-6.22	16,648
SHB	6,700	6,400	-4.48	14,635

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
MPC	26,600	27,900	1,300	4.89
BTT	22,000	23,000	1,000	4.55
KAC	11,500	12,000	500	4.35
TRA	81,000	84,500	3,500	4.32
VSI	7,200	7,500	300	4.17

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
MHL	7,300	7,800	500	6.85
VNT	14,800	15,800	1,000	6.76
DLR	10,400	11,100	700	6.73
PTI	9,200	9,800	600	6.52
SCC	3,100	3,300	200	6.45

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,100	1,000	-100	-9.09
VES	1,700	1,600	-100	-5.88
GMD	20,000	19,000	-1,000	-5.00
SAV	8,000	7,600	-400	-5.00
LGL	4,000	3,800	-200	-5.00

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
NVC	1,300	1,200	-100	-7.69
SHN	1,300	1,200	-100	-7.69
THV	1,400	1,300	-100	-7.14
WCS	40,000	37,200	-2,800	-7.00
PVG	10,000	9,300	-700	-7.00

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
MSN	71,842	DPM	19,328
GAS	14,626	CTG	14,066
DPM	8,594	STB	13,002
PGD	7,323	VCB	9,146
SBT	4,970	PVD	8,548

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVS	4,795	PGS	1,683
LAS	853	AAA	1,028
APS	810	VNR	871
HDO	680	SDT	615
VCG	532	VC1	296

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339